



TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2017

MÃ TRƯỜNG: DDK

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh dự thi THPT năm 2017 và tốt nghiệp THPT năm 2017;
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2017: dự kỳ thi THPT quốc gia 2017 và có môn thi/ bài thi phù hợp với tổ hợp xét tuyển.
- Riêng ngành Kiến trúc: Thí sinh phải thi thêm môn năng khiếu do Hội đồng tuyển sinh năm 2017 của Đại học Đà Nẵng tổ chức.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển thí sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh:

- Tất cả các ngành: xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT quốc gia năm 2017.
- Riêng ngành Kiến trúc: thí sinh phải thi thêm môn Vẽ mỹ thuật - là môn năng khiếu. Hình thức thi: vẽ tĩnh vật (xem Hướng dẫn chi tiết đối với thí sinh thi môn Vẽ mỹ thuật).
- Điểm xét tuyển của thí sinh:

Điểm xét tuyển	=	Tổng điểm 3 môn xét tuyển (theo tổ hợp, với hệ số tương ứng)	Điểm ưu tiên tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành
----------------	---	--	---

- Yêu cầu tổng điểm thi các môn trong tổ hợp xét tuyển: từ 16,00 điểm trở lên.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển của các ngành:

TT	Tên ngành	Mã ngành đăng ký	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Su phạm kỹ thuật công nghiệp (<i>chuyên ngành SPKT điện - điện tử</i>)	52140214	35	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
2	Công nghệ sinh học	52420201	65	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh Toán + Hóa + Sinh
3	Công nghệ thông tin	52480201	185	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
4	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao ngoại ngữ Anh)	52480201CLC1	45	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
5	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao ngoại ngữ Nhật)	52480201CLC2	45	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh Toán + Lý + Nhật
6	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	52510105	60	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
7	Công nghệ chế tạo máy	52510202	130	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
8	Quản lý công nghiệp	52510601	70	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
9	Kỹ thuật cơ khí (<i>chuyên ngành Cơ khí động lực</i>)	52520103	140	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
10	Kỹ thuật cơ - điện tử	52520114	140	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
11	Kỹ thuật nhiệt (<i>gồm các chuyên ngành: Nhiệt điện lạnh; Kỹ thuật năng lượng & môi trường</i>)	52520115	140	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh

TT	Tên ngành	Mã ngành đăng ký	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển
12	Kỹ thuật tàu thủy	52520122	60	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
13	Kỹ thuật điện, điện tử	52520201	170	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
14	Kỹ thuật điện, điện tử (Chất lượng cao)	52520201CLC	90	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
15	Kỹ thuật điện tử & viễn thông	52520209	180	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
16	Kỹ thuật điện tử & viễn thông (Chất lượng cao)	52520209CLC	45	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
17	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	52520216	100	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
18	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Chất lượng cao)	52520216CLC	90	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
19	Kỹ thuật hóa học	52520301	80	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh
20	Kỹ thuật môi trường	52520320	75	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh
21	Kỹ thuật dầu khí (Chất lượng cao)	52520604CLC	45	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh
22	Công nghệ thực phẩm	52540102	85	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh Toán + Hóa + Sinh
23	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	52540102CLC	45	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh Toán + Hóa + Sinh
24	Kiến trúc (Chất lượng cao)	52580102CLC	90	Vẽ + Toán + Văn Vẽ + Toán + Lý Vẽ + Toán + Anh
25	Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	215	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
26	Kỹ thuật công trình thủy	52580202	110	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
27	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	52580205	135	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
28	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chất lượng cao)	52580205CLC	45	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
29	Kỹ thuật xây dựng - chuyên ngành Tin học xây dựng	52580208	50	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
30	Kinh tế xây dựng	52580301	120	Toán + Lý + Hóa Toán + Lý + Anh
31	Chương trình tiên tiến ngành Điện tử viễn thông	52905206	90	Anh*2 + Toán + Lý Anh*2 + Toán + Hóa
32	Chương trình tiên tiến ngành Hệ thống nhúng	52905216	50	Anh*2 + Toán + Lý Anh*2 + Toán + Hóa
33	Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp (PFIEV)	PFIEV	100	Toán*3 + Lý*2 + Hóa Toán*3 + Lý*2 + Anh

TT	Tên ngành	Mã ngành đăng ký	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển
34	Quản lý tài nguyên & môi trường	52850101	55	Toán + Hóa + Lý Toán + Hóa + Anh

Ghi chú:

- Đối với mỗi ngành, chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là 0.
- Tiêu chí phụ dùng để xét khi có các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau và bằng điểm trúng tuyển: ưu tiên thí sinh có điểm môn thứ nhất trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn, rồi đến thí sinh có điểm môn thứ hai trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

Thí sinh phải có tổng điểm (chưa tính hệ số) các môn thuộc tổ hợp xét tuyển từ 16,00 trở lên.

6. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian và hình thức nhận đăng ký xét tuyển, thi tuyển các môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Bài thi khoa học tự nhiên, Bài thi Khoa học xã hội: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian thi môn "Vẽ mỹ thuật" (môn năng khiếu để xét tuyển ngành Kiến trúc): 01 tuần sau khi kết thúc thi THPT quốc gia 2017. Hướng dẫn thi, lịch thi môn Vẽ mỹ thuật được đăng tại trang tin tuyển sinh của Trường.

7. Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

Trường xét tuyển ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Tuyển thẳng: Tuyển thẳng các thí sinh đủ yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh hiện hành, cho đến khi đạt số chỉ tiêu tuyển thẳng tối đa đối với tất cả các ngành;
- Ưu tiên xét tuyển: Ưu tiên xét tuyển các thí sinh đủ yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh hiện hành, cho đến khi đạt số chỉ tiêu tuyển thẳng tối đa đối với tất cả các ngành.
- Xét tuyển các thí sinh tốt nghiệp THPT và dựa trên kết quả thi trong kỳ thi THPT quốc gia 2017.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển;

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lệ phí thi tuyển môn "Vẽ mỹ thuật": Theo quy định của Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng

9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

a. Mức học phí của các chương trình đào tạo đại trà:

- Mức học phí trung bình theo quy định của Chính phủ (hiện là Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015):

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học phí (đồng/năm/SV)	8.700.000	9.600.000	10.600.000	11.700.000

Ghi chú:

- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính (I và II), mỗi học kỳ có 5 tháng;
- Học kỳ hè không bắt buộc phải học. Sinh viên học trong học kỳ hè thì đóng học phí theo mức của kỳ hè.
- Học phí sinh viên đóng trong mỗi học kỳ: phụ thuộc số tín chỉ sinh viên đăng ký học trong học kỳ. Sinh viên có khả năng học vượt sẽ phải đóng học phí với mức thấp hơn.

b. Mức học phí của các chương trình chất lượng cao:

- Học phí của Chương trình chất lượng cao: bằng 2,5 lần mức học phí chương trình đại trà. Sinh viên học trong 2 học kỳ chính (I và II) và đóng học phí theo học kỳ. Học phí học tiếng Anh (học trong 2 năm đầu) tính riêng.
- Mức học phí theo năm học, như sau:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học phí (đồng/năm/SV)	21.750.000	24.000.000	26.500.000	29.250.000

c. Mức học phí của Chương trình tiên tiến:

- Mức học phí của Chương trình tiên tiến khóa tuyển sinh năm 2017: 30.000.000 đồng/ năm học và được giữ không đổi trong suốt khóa học. Mỗi năm học có 3 học kỳ, đều là học kỳ bắt buộc. Sinh viên đóng học phí theo học kỳ, bằng 10.000.000 đồng/ SV/ học kỳ.
- Học phí học tiếng Anh (năm đầu tiên) nằm trong học phí chung của năm thứ nhất.

d. Mức học phí của chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp (PFIEV):

- Mức học phí của Chương trình PFIEV khóa tuyển sinh năm 2017 như bảng dưới đây. Mỗi năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ 5 tháng. Sinh viên đóng học phí theo học kỳ.

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học phí (đồng/ SV/ tháng)	1.300.000	1.450.000	1.600.000	1.750.000

10. Chính sách ưu đãi đối với sinh viên:

a. Chính sách ưu đãi cho thí sinh có điểm thi tuyển sinh cao (không tính điểm ưu tiên) như sau:

- Đối tượng được hưởng: Thí sinh có tổng điểm các môn thi từ 26,00 trở lên;
- Chính sách ưu đãi:
 - + Được ưu tiên tuyển chọn đi học nước ngoài theo chương trình trao đổi sinh viên;
 - + Năm học đầu tiên: được cấp học bổng toàn phần (trị giá 100% học phí), được bố trí ở ký túc xá của Trường và miễn phí ký túc xá, hỗ trợ sinh hoạt phí: 500.000 đồng/tháng; được ưu tiên xét nhận học bổng do cá nhân/ tổ chức tài trợ cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và kết quả rèn luyện tốt;
 - + Các năm học sau đó: sẽ tiếp tục được ưu đãi như năm thứ nhất, nếu sinh viên duy trì được thành tích học tập xuất sắc và kết quả rèn luyện tốt. Các trường hợp sinh viên học giỏi sẽ được xét, thụ hưởng theo từng chương trình đào tạo.
 - + Được ưu tiên trong việc xét chọn đề tài nghiên cứu khoa học.

b. Chính sách học bổng khuyến học:

- Sinh viên có kết quả học tập (theo từng học kỳ) từ loại Khá trở lên và rèn luyện đạo đức loại Tốt: sẽ được xét nhận học bổng khuyến học theo quy định của Nhà nước.

c. Chính sách miễn giảm học phí:

- Trường thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên diện được hưởng theo quy định của Nhà nước.

d. Chính sách của Trường hỗ trợ sinh viên thuộc gia đình nghèo và có hoàn cảnh đặc biệt:

- Trợ cấp xã hội theo tháng/ học kỳ cho sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo;
- Ưu tiên trong việc xét nhận học bổng do các cá nhân/ tổ chức tài trợ.
- Ưu tiên sắp xếp chỗ ở trong ký túc xá của Trường.